

Khu BTTN Kalon-Sông Mao

Tên khác:

Không

Tỉnh:

Bình Thuận

Diện tích:

20.000 ha

Toạ độ:

11°20' - 11°32' N, 108°16' - 108°34' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Đồng Nam Bộ

Có quyết định của Chính phủ:

Có

Đã thành lập Ban Quản lý:

Chưa thành lập

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Không

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

A, B

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Kalon Sông Mao có tên trong Quyết định 194/CT ngày 09/08/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, là khu bảo tồn thiên nhiên có diện tích 20.000 ha (Bộ NN & PTNT 1997). Tháng 12/1999, BirdLife International và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng đã tiến hành khảo sát nhanh tại khu vực. Kết quả điều tra làm tiền đề cho các kiến nghị nên giữ Kalon - Sông Mao trong hệ thống rừng đặc dụng quốc gia với diện tích khoảng 40.000 ha (Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh 2000). Hiện nay, kế hoạch đầu tư cũng như ban quản lý vẫn chưa được thành lập trong khu vực.

Kalon - Sông Mao không có tên trong danh lục các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục Kiểm lâm - Bộ NN&PTNT (Cục Kiểm lâm, 2003).

Địa hình và thủy văn

Khu bảo tồn thiên nhiên Kalon Sông Mao nằm trên địa bàn xã Phan Sơn và Phan Lâm, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Khu này nằm trong vùng chuyển tiếp giữa đồng bằng ven biển nam Trung Bộ Việt Nam và vùng Tây Nguyên: độ cao tăng đột ngột từ 20 đến hơn 1.000m trong khoảng hơn 50 km. Điểm cao nhất trong khu bảo tồn là 1.136 m. Hệ thủy văn của khu bảo tồn có sông Lũy và sông Cà Giây cùng với các chi lưu của chúng.

Đa dạng sinh học

Các kiểu thảm thực vật chính trong khu bảo tồn thiên nhiên là rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá, và rừng rụng lá. Rừng thường xanh phân bố trên các đỉnh và các dải đồng cao nhất trong khu bảo tồn thiên nhiên. Kiểu rừng này đặc trưng bởi rừng kép tán với độ cao tầng tán rừng từ 25-30 m, ưu thế bởi các loài trong họ Fabaceae, Fagaceae, Dipterocarpaceae và Sapindaceae. Rừng nửa rụng lá có ở các đai thấp, chủ yếu từ 200 đến 500 m, dọc theo suối và các vùng thung lũng. Các loài ưu thế là *Lagerstroemia calyculata*, *Cratoxylon* sp. và *Peltophorum pterocarpum*. Rừng rụng lá có xu hướng hình thành chủ yếu là do phát triển từ rừng nửa rụng lá sau khai thác hoặc canh tác nương rẫy. Các loài cây thuộc họ dầu chiếm ưu thế là *Dipterocarpus tuberculatus*, *D. obtusifolius* và *D. intricatus*. Các kiểu rừng thứ sinh trong khu bảo tồn thiên nhiên Kalon Sông Mao gồm có tre nứa, cỏ, cây bụi và cây bụi xen lẫn cây gỗ thưa thớt. Các loài phổ biến có *Imperata cylindrica*, *Saccharum* sp., *Spondias* sp., *Cratoxylon* sp., *Aporosa* sp., *Lagerstroemia calyculata* và *Phyllanthus emblica*. Trong thời gian khảo sát nhanh của BirdLife và Viện ĐTQH Rừng đã phát hiện nhiều loài có giá trị kinh tế cao như Sao *Shorea cochinchinensis*, Gõ đỏ *Azelia xylocarpa*, Trắc *Dalbergia cochinchinensis*, Giáng hương *D.* sp., *Pterocarpus macrocarpus* và Vên vên *Anisoptera*

cochinchinensis (Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh 2000).

Theo thông tin phỏng vấn từ người dân địa phương, BirdLife và Viện ĐTQH Rừng đã ghi nhận rằng trước năm 1986 có các loài thú lớn như voi *Elephas maximus* và Bò tót *Bos gaurus* xuất hiện với mật độ cao trong vùng. Theo người dân Bò tót vẫn còn có ở đây trong các năm 1988 - 1989 nhưng từ 1992 thì không còn loài này nữa. Các loài động vật hiện có thể vẫn còn tồn tại trong vùng có Mang lớn *Megamuntiacus vuquangensis*, Mang *Muntiacus muntjak*, Nai *Cervus unicolor*, Vượn má hung *Hylobates gabriellae*, Voọc và *Pygathrix nemaeus* (có thể là loài phụ Voọc và chân đen *P. n. nigripes*), Voọc bạc *Trachypithecus cristatus*, Khỉ mặt đỏ *Macaca arctoides*, Báo gấm *Pardofelis nebulosa*, Gấu ngựa *Ursus thibetanus*, Gấu chó *U. malayanus* và Sói đỏ *Cuon alpinus* (Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh 2000).

Theo thông tin phỏng vấn trong thời gian khảo sát nhanh thì một số loài chim quan trọng đối với bảo tồn như Công *Pavo muticus*, Gà lôi hồng tía *L. diardi*, Hồng hoàng *Buceros bicornis* cũng được ghi nhận trong vùng (Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh 2000). Tuy nhiên, trong thời gian tới đây cần phải tiến hành điều tra tiếp nhằm xác định tính chính xác của thông tin thu được về sự hiện diện của các loài thú và chim hiện còn trong vùng.

Các vấn đề về bảo tồn

Trong giai đoạn từ 1975 đến 1982, khu Kalon Sông Mao do lâm trường quản lý. Sau năm 1982, trách nhiệm quản lý vùng này được chuyển sang cho hạt kiểm lâm huyện. Năm 1993, gỗ và các sản phẩm khác ở rừng đã bắt đầu bị khai thác mạnh, đặc biệt tập trung vào các loài gỗ có giá trị cao như Trắc *Dalbergia cochinchinensis*, tuy nhiên mức độ của các hoạt động này đã giảm xuống một cách đáng kể vào năm 1996. Mặc dầu việc khai thác gỗ thương mại đã giảm, việc khai thác các sản phẩm rừng như củi và nhựa thông của dân địa phương còn tiếp tục diễn ra ở khu vực Kalon Sông Mao trên quy mô nhỏ hơn. Các nguyên nhân khác gây tổn thương và mất rừng trong vùng là việc phát rừng làm nương rẫy và cháy rừng, đặc biệt

thường xảy ra cháy rừng nửa rụng lá và rụng lá vào mùa khô (Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh 2000).

Trong các năm 1970, đã có một số quần thể Voi và Bò tót ở vùng Kalon Sông Mao nhưng các loài này hiện nay đã không còn trong vùng. Nguyên nhân chính của hiện tượng này và suy giảm các quần thể của các loài thú khác là do mất nơi ở thích hợp và do săn bắn quá mức. Mặc dầu có nhiều người dân địa phương còn tiếp tục săn bắn để lấy thịt và để bán, nhưng hoạt động này không phải là nguồn thu nhập chính do các loài thú có giá trị kinh tế cao đã cạn kiệt và không còn các điểm buôn bán động vật hoang dã trong vùng (Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh 2000).

Các giá trị khác

Rừng trong khu bảo tồn và các khu vực xung quanh đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ vùng đầu nguồn của hồ chứa thủy lợi Cà Giây là nơi cung cấp nước cho hàng ngàn hecta đất canh tác nông nghiệp của vùng đồng bằng sông Mao. Rừng khu vực, nằm trong quy hoạch rừng đầu nguồn của đập thủy điện sông Luỹ.

Các dự án có liên quan

Có khoảng một nửa diện tích rừng ở Kalon Sông Mao thuộc sự quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn sông Cà Giây, ban quản lý trực thuộc Chi cục Phát triển Lâm nghiệp tỉnh Bình Thuận. Từ năm 1999, kinh phí để thực hiện các hoạt động của Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn sông Cà Giây từ chương trình 661 quốc gia (Chương trình 5 triệu ha rừng) thay cho chương trình 327 trước đây (Chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc). Ngân sách từ chương trình 661 được sử dụng để phục hồi rừng, thực hiện các hợp đồng bảo vệ rừng, chương trình sản xuất nông nghiệp và định cư, nước sạch, hệ thống thủy lợi và các hoạt động xóa đói giảm nghèo (Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh 2000).

Ủy ban Dân tộc Miền núi hiện nay đang hợp tác với Hạt Kiểm lâm huyện Bắc Bình thực hiện dự án ở xã Phan Sơn. Dự án bắt đầu trong năm 1994 bằng việc tổ chức một đội bảo vệ rừng với 12 thành viên trong xã. Nhóm hoạt động theo sự hướng dẫn của của Hạt Kiểm lâm huyện (Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh 2000).

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được kế hoạch quản lý.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Kalon Sông Mao hiện không phù hợp để được nhận tài trợ VCF do chưa có các biện pháp quản lý, bảo vệ thích hợp.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	SA6 - Hành lang Di Linh
A _{II}	
B _I	Quyết định số 194/CT, ngày 09/08/1986
B _{II}	Bảo tồn thiên nhiên
B _{III}	Thuộc sự quản lý của UBND tỉnh
C _I	
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

Le Trong Trai and Tran Hieu Minh (2000) A rapid field survey of Kalon Song Mao Nature Reserve (Binh Thuan province) and Lo Go-Sa Mat Nature Reserve (Tay Ninh province), Vietnam. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute. In English and Vietnamese.

